

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Sơn Điền;
2. Bà Thi Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HN ngày 01 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu G, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ 5, khóm LQ C, phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Anh Châu Thanh T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 10, khóm LQ C, phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Chị G có mặt tại phiên tòa; Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thu G trình bày: Năm 2009, chị G và anh Châu Thanh T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện Tân Châu (nay là phường LP, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 157/HT, ngày 15/9/2009. Sau khi tổ chức lễ cưới, chị G

và anh T sống bên gia đình cha mẹ ruột của chị G tại địa chỉ tổ 5, khóm LQ C, phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị G và anh T không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên cãi vã, anh T thường xuyên uống rượu về nhà có lời lẽ xúc phạm chị G. Gia đình hai bên có động viên, khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được. Chị G và anh T sống xa nhau từ tháng 4/2020 cho đến nay. Chị G yêu cầu ly hôn với anh Châu Thanh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị G và anh T có 02 (hai) con chung tên Châu Gia T, sinh ngày 03/02/2010 và Châu Thiên P, sinh ngày 12/01/2017.

Hiện 02 (hai) con chung đang sống chung với chị G. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 605/TB-TLVA ngày 13/10/2020 cho anh Châu Thanh T thông qua người thân là ông Châu Văn B (cha ruột anh T) nhận thay và có thông tin cho anh T biết về việc Trần Thị Thu G khởi đơn kiện ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh T đối với yêu cầu của chị G và các tài liệu chứng cứ kèm theo của anh T gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt, chị G kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh tình trạng cư trú của anh Châu Thanh T tại Công An phường LP; Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị G và anh T tại Hội Liên hiệp Phụ nữ phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh (ghi lời khai) của bà Ngô Thị T (mẹ ruột anh T) về tình trạng hôn nhân của chị G và anh T; Biên bản ghi nhận ý kiến cháu Châu Gia T. Cụ thể:

- Công an phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cung cấp: Anh Châu Thanh T, sinh năm 1988, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 10, khóm LQ C, phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng anh T đã bỏ địa phương đi (không rõ bỏ đi thời gian nào) và không thường xuyên sinh sống ở địa phương do anh T không trình báo nên Công an phường không biết anh T đi đâu, làm gì.

- Hội Liên hiệp phụ nữ phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cho biết: Về tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh T thì Hội phụ nữ không biết, không rõ mâu thuẫn như thế nào do không thường xuyên sinh sống tại địa phương. Vợ chồng G, T có 02 (hai) con chung tên Châu Gia T, sinh ngày 03/02/2010 và Châu Thiên P, sinh ngày 12/01/2017. Hiện 02 (hai) con chung đang sống chung với chị G.

- Bà Ngô Thị T (mẹ ruột anh T) cho biết: Bà T là mẹ chồng của Trần Thị Thu G và là mẹ ruột của Châu Thanh T. Khoảng năm 2009, vợ chồng (T – G) quen biết nhau, được gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng (G – T) về sống bên gia đình G tại tổ 5, khóm LQ C, phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng (G – T) chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý kiến nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hợp nhau, từ đó vợ chồng (G – T) không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2020 cho đến nay, không còn qua lại với nhau nữa. G và T có 02 con chung tên Châu Gia T, sinh ngày 03/02/2010 và Châu Thiên P, sinh ngày 12/01/2017. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với G và được G chăm sóc, nuôi dạy tốt. Vợ chồng (G – T) đã được gia đình hai bên hàn gắn tình cảm gia đình nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay, T đang sống và đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh nên không về được đề đến Tòa án ký thuận tình ly hôn, T có liên lạc về nói lại là thống nhất ly hôn với G.

- Cháu Châu Gia T trình bày: Cháu T có nguyện vọng được sống chung với cha T và ông bà nội vì từ trước đến nay cháu đã quen với việc sống chung với cả cha và mẹ, cha T và ông bà nội rất yêu thương cháu nhưng kể từ khi cha mẹ cháu không còn sống chung, cha T đi làm ở Bình Dương lâu lâu mới về một lần, hằng ngày cháu và em trai Châu Thiên P sống chung với mẹ G, anh em chúng cháu được mẹ chăm sóc và nuôi dạy tốt, cháu có cuộc sống đầy đủ và được đi học. Nay cháu xin thay đổi ý kiến, nguyện vọng được sống chung với mẹ G, cha T đi làm xa không thể trực tiếp nuôi dạy cháu được.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: Năm 2009, chị G và anh Châu Thanh T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện Tân Châu (nay là phường LP, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 157/HT, ngày 15/9/2009 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi tổ chức lễ cưới, chị G và anh T sống bên gia đình cha mẹ ruột của chị G tại địa chỉ tổ 5, khóm LQ C, phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc,

đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị G và anh T không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên cãi vã, anh T thường xuyên uống rượu về nhà có lời lẽ xúc phạm chị G. Gia đình hai bên có động viên, khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được. Chị G và anh T sống xa nhau từ tháng 4/2020 cho đến nay, chị G đã khởi đơn kiện ly hôn với anh T. Qua xác minh, nhận thấy tình cảm của chị G và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Chị G yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị G và anh T có 02 con chung tên Châu Gia T, sinh ngày 03/02/2010 và Châu Thiên P, sinh ngày 12/01/2017.

Hiện 02 con chung đang sống chung với chị G. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Gia T có nguyện vọng sống với chị G. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của chị G.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu G được ly hôn anh Châu Thanh T.

Về con chung: Chị Trần Thị Thu G được nuôi dạy các cháu Châu Gia T, sinh ngày 03/02/2010 và Châu Thiên P, sinh ngày 12/01/2017. Anh Châu Thanh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Thu G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Châu Thanh T. Anh T có nơi cư trú: Tổ 10, khóm LQ C, phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Châu Thanh T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2009, chị G và anh Châu Thanh T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện Tân Châu (nay là phường LP, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 157/HT, ngày 15/9/2009. Hôn nhân giữa chị G và anh T là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Sau khi tổ chức lễ cưới, chị G và anh T sống bên gia đình cha mẹ ruột của chị G tại địa chỉ tổ 5, khóm LQ C, phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị G và anh T không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên cãi vã, anh T thường xuyên uống rượu về nhà có lời lẽ xúc phạm chị G. Gia đình hai bên có động viên, khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được. Chị G và anh T sống xa nhau từ tháng 4/2020 cho đến nay. Nay chị G kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T.

Biên bản xác minh (ghi lời khai) bà Ngô Thị T (mẹ ruột anh T) cho biết: Khoảng năm 2009, vợ chồng (T – G) quen biết nhau, được gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng (G – T) về sống bên gia đình G tại tổ 5, khóm LQ C, phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng (G – T) chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý kiến nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hợp nhau, từ đó vợ chồng (G – T) không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2020 cho đến nay, không còn qua lại với nhau nữa. Vợ chồng (G – T) đã được gia đình hai bên hàn gắn tình cảm gia đình nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay, T đang sống và đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh nên không về được để đến Tòa án ký thuận tình ly hôn, T có liên lạc về nói lại là thống nhất ly hôn với G.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị G và anh T phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 4 năm 2020, gia đình hai bên có động viên, khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được. Nay chị G kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T vì trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên uống rượu về nhà có lời lẽ xúc phạm chị G khiến cho mâu thuẫn trong hôn nhân ngày càng trầm trọng. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị G và anh T hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh T vắng mặt và không có ý kiến bằng văn

bản gửi cho Tòa án. Từ đó, cho thấy anh T chưa thật sự hàn gắn tình cảm với chị G.

Tình trạng vợ chồng chị G và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị G. Xét, cho chị G ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị G và anh T có 02 con chung tên Châu Gia T, sinh ngày 03/02/2010 và Châu Thiên P, sinh ngày 12/01/2017.

Chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Biên bản lời khai cháu Châu Gia T, sinh ngày 03/02/2010 có nguyện vọng được sống chung với mẹ G, cha T đi làm xa không thể trực tiếp nuôi dạy cháu được.

Biên bản xác minh Hội Liên hiệp phụ nữ phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cho biết: Vợ chồng G, T có 02 con chung tên Châu Gia T, sinh năm 2010 và Châu Thiên P, sinh năm 2017. Hiện 02 con chung đang sống chung với chị G, hai cháu khỏe mạnh và được đi học đúng độ tuổi.

Biên bản (lấy lời khai) bà Ngô Thị T (mẹ ruột anh T) cho biết: G và T có 02 con chung tên Châu Gia T, sinh năm 2010 và Châu Thiên P, sinh năm 2017. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với G và được G chăm sóc, nuôi dạy tốt.

Xét, chị G yêu cầu được nuôi dạy 02 con chung tên Châu Gia T, sinh ngày 03/02/2010 và Châu Thiên P, sinh ngày 12/01/2017, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận.

Chị Trần Thị Thu G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Châu Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Anh Châu Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu G.

Chị Trần Thị Thu G được ly hôn với anh Châu Thanh T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 157/HT, ngày 15/9/2009 do Ủy ban nhân dân xã LP, huyện Tân Châu (nay là phường LP, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang cấp cho chị Trần Thị Thu G và anh Châu Thanh T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Trần Thị Thu G được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Châu Gia T, sinh ngày 03/02/2010 và Châu Thiên P, sinh ngày 12/01/2017. Anh Châu Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Thu G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Châu Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trần Thị Thu G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0005460 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Trần Thị Thu G đã nộp đủ án phí.

Anh Châu Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị G có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh T là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương